

Phụ lục
DANH MỤC HỒ CHỨA TRIỂN KHAI THI CÔNG
XÂY DỰNG BẰNG NGUỒN VỐN IDA
Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-HTQT ngày tháng năm 2023
của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TT	Tên hồ	Địa điểm	Ghi chú
	Hà Giang		
1	Khuổi Phạ	Huyện Quang Bình	Đập đất
2	Cốc Bó	Huyện Vị Xuyên	nt
3	Thôm Luông	Huyện Bắc Quang	nt
4	Thôm Ta	Huyện Bắc Quang	nt
5	Đội 2	Huyện Bắc Quang	nt
6	Nà Pồng	Huyện Vị Xuyên	nt
7	Trùng	Huyện Bắc Quang	nt
8	Nậm Vạc	Huyện Bắc Quang	nt
9	Nà Tạm	Huyện Bắc Quang	nt
10	Thôn Lại	Huyện Bắc Quang	nt
11	Thống Nhất	Huyện Bắc Quang	nt
12	Thôn Thia	Huyện Bắc Quang	nt
13	Đội 1	Huyện Bắc Quang	nt
14	Tân Bang	Huyện Quang Bình	nt
15	Tát Lằng	Huyện Bắc Quang	nt
16	Pú Tiên	Huyện Bắc Quang	nt
17	Nà Luông	Huyện Bắc Quang	nt
18	Kim Tiến	Huyện Bắc Quang	nt
19	Khù Vàng	Huyện Vị Xuyên	nt
	Lào Cai		
1	Phú Nhuận	Huyện Bảo Thắng	Đập đất
2	Phổ Ràng	Huyện Bảo Yên	nt
3	Phong Niên	Huyện Bảo Thắng	nt
4	Đồng Tâm	Huyện Bảo Thắng	nt
5	Sung Lảng	Huyện Văn Bàn	nt
6	Tả Xín	Huyện Bát Xát	nt
7	Tân An	Huyện Văn Bàn	nt

TT	Tên hồ	Địa điểm	Ghi chú
8	Na Ri	Huyện Mường Khương	nt
9	Nhuần 4	Huyện Bảo Thắng	nt
10	Phú Thịnh	Huyện Bảo Thắng	nt
11	Tân Phong	Huyện Bảo Thắng	nt
12	Cốc Tùm	Huyện Bảo Thắng	nt
13	An Tiến	Huyện Bảo Thắng	nt
14	19/5	Huyện Bảo Thắng	nt
	Bắc Kạn		
1	Khuổi Dâng	Huyện Chợ Mới	Đập đất
2	Khuổi Dầy	Huyện Chợ Mới	nt
3	Cốc Thông	Huyện Na Ri	nt
4	Khuổi Sung	Huyện Chợ Mới	nt
5	Mạ Đầy	Huyện Na Ri	nt
	Lạng Sơn		
1	Bản Cườm	Huyện Cao Lộc	Đập đất
2	Ba Sơn	Huyện Cao Lộc	nt
3	Kỳ Nà	Huyện Tràng Định	nt
4	Khuôn Pinh	Huyện Hữu Lũng	nt
5	Cốc Lùng	Huyện Tràng Định	nt
6	Bó Chuông	Thành phố Lạng Sơn	nt
7	Kai Hiên	Huyện Hữu Lũng	nt
8	Thâm Sinh	Thành phố Lạng Sơn	nt
9	Khuổi Mặn	Huyện Tràng Định	nt
10	Khau Piều	Huyện Lộc Bình	nt
	Sơn La		
1	Bản Ổ	Huyện Mai Sơn	Đập đất
2	Noong Chạy	Huyện Thuận Châu	nt
3	Huổi Nhả Khơ Mú	Huyện Mai Sơn	nt
4	Xa Cẩn	Huyện Mai Sơn	nt
5	Xum Lo	Huyện Mai Sơn	nt
6	Bản Củ	Huyện Mai Sơn	nt
7	Nà Bó	Huyện Mai Sơn	nt

TT	Tên hồ	Địa điểm	Ghi chú
	Tuyên Quang		
1	Ngòi Là 2	Huyện Yên Sơn	Đập đất
2	Trung Long	Huyện Sơn Dương	nt
3	Hải Mô	Huyện Sơn Dương	nt
4	Khe Thuyền	Huyện Sơn Dương	nt
5	Cây Gạo	Huyện Sơn Dương	nt
6	Mình Cầm	Huyện Yên Sơn	nt
7	Nà Vàng	Huyện Lâm Bình	nt
8	Ao Búc	Huyện Sơn Dương	nt
9	Khuổi Thung	Huyện Chiêm Hóa	nt
10	Hoàng Khai	Huyện Yên Sơn	nt
11	Nà Heng	Huyện Na Hang	nt
12	Cây Dâu	Huyện Sơn Dương	nt
13	Ô Rô	Huyện Hàm Yên	nt
14	Noong Mò	Huyện Lâm Bình	nt
15	Kỳ Lãm	Thành phố Tuyên Quang	nt
16	Đèo Chắp	Huyện Chiêm Hóa	nt
17	Khuổi Luông	Huyện Lâm Bình	nt
	Yên Bái		
1	Tự Do	Huyện Trấn Yên	Đập đất
2	Khe Vải	Huyện Văn Yên	nt
3	Tặng An	Huyện Lục Yên	nt
4	Khe Dứa	Huyện Văn Yên	nt
5	Roong Đen	Huyện Lục Yên	nt
6	Gốc Nhội	Huyện Yên Bình	nt
7	Khe Hoài	Huyện Yên Bình	nt
8	Khe Hóp	Huyện Văn Yên	nt
9	Hang Luồn	Huyện Yên Bình	nt
10	Khe Chinh	Huyện Văn Yên	nt
11	Làng Ất	Huyện Lục Yên	nt
12	Chóp Dù	Huyện Trấn Yên	nt
13	Phù Nham	Thị xã Nghĩa Lộ	nt

TT	Tên hồ	Địa điểm	Ghi chú
14	Nông trường Nghĩa Lộ	Thị xã Nghĩa Lộ	nt
15	Khe Ngang	Huyện Văn Yên	nt
16	Thôn 26	Huyện Văn Chấn	nt
	Thái Nguyên		
1	Núi Chẽ	Huyện Phổ Yên	Đập đất
2	Bến Đông	Huyện Phổ Yên	nt
3	Ghềnh Chè	Huyện Sông Công	nt
4	Khuôn Nanh	Huyện Đại Từ	nt
5	Hồ Chuối	Huyện Đồng Hỷ	nt
6	Nà Kháo	Huyện Võ Nhai	nt
7	Suối Lạnh	Huyện Phổ Yên	nt
8	Nà Tắc	Huyện Định Hóa	nt
9	Hồ Cóc	Huyện Phú Bình	nt
10	Đầm Chiểu	Huyện Đại Từ	nt
11	Bảo Linh	Huyện Định Hóa	nt
	Bắc Giang		
1	Làng Thum	Huyện Lục Ngạn	Đập đất
2	Chông Chênh	Huyện Yên Thế	nt
3	Khe Dặng	Huyện Sơn Động	nt
4	Đồng Man	Huyện Lục Ngạn	nt
5	Khe Ráy	Huyện Lục Nam	nt
6	Khe Cát	Huyện Lục Nam	nt
7	Chùa Ông	Huyện Lục Nam	nt
8	Bầu Lầy	Huyện Lục Ngạn	nt
9	Chín Suối	Huyện Yên Thế	nt
10	Khe Chảo	Huyện Sơn Động	nt
11	Ba Bãi	Huyện Lục Nam	nt
	Vĩnh Phúc		
1	Tân Bình	Thị xã Phúc Yên	Đập đất
2	Bò Lạc	Huyện Sông Lô	nt
3	Suối Sỏi	Huyện Sông Lô	nt
4	Khuân	Huyện Sông Lô	nt

TT	Tên hồ	Địa điểm	Ghi chú
5	Trại Trâu	Thị xã Phúc Yên	nt
6	Đá Mang	Huyện Lập Thạch	nt
7	Vĩnh Thành	Huyện Tam Đảo	nt
8	Rừng Vầu	Huyện Lập Thạch	nt
9	Đá Bạc 2	Huyện Lập Thạch	nt
10	Đồng Mồ	Huyện Lập Thạch	nt
11	Đá Ngang	Huyện Sông Lô	nt
12	Mắc Me	Huyện Sông Lô	nt
13	Ngọc Đá	Huyện Sông Lô	nt
14	Ngọc Hoa	Huyện Lập Thạch	nt
	Phú Thọ		
1	Ban	Huyện Cẩm Khê	Đập đất
2	Nhà Giặc	Huyện Đoan Hùng	nt
3	Ba Gạc	Huyện Thanh Ba	nt
4	Trầm sắt	Huyện Thanh Ba	nt
5	Đầm Gai	Huyện Thanh Sơn	nt
6	Vỡ	Huyện Yên Lập	nt
7	Đá Đen	Huyện Đoan Hùng	nt
8	Núi Đẩu	Huyện Đoan Hùng	nt
9	Đát Dội	Huyện Cẩm Khê	nt
10	Cây Quýt	Huyện Hạ Hòa	nt
11	Dộc Hẹp	Huyện Thanh Thủy	nt
12	Sự	Huyện Thanh Thủy	nt
13	Dộc Gạo	Huyện Cẩm Khê	nt
14	Vĩnh Lại	Huyện Đoan Hùng	nt
	Quảng Ninh		
1	Khe Chè	Huyện Đông Triều	Đập đất
2	Chúc Bài Sơn	Huyện Hải Hà	nt
3	Quất Đông	Thành phố Móng Cái	nt
4	Đồng Đò 1	Huyện Đông Triều	nt
5	Đá Trắng	Huyện Đông Triều	nt
6	Sau Làng	Thành phố Hạ Long	nt

TT	Tên hồ	Địa điểm	Ghi chú
7	Rộc Cùg	Huyện Hoành Bồ	nt
8	Khe Táu	Huyện Tiên yên	nt
9	Rộc Chày	Huyện Đông Triều	nt
	Hòa Bình		
1	Đại Thắng	Huyện Lạc Thủy	Đập đất
2	Cốc	Huyện Kim Bôi	nt
3	Hối Kha	Huyện Tân Lạc	nt
4	Mền 1	Huyện Yên Thủy	nt
5	Mền 2	Huyện Yên Thủy	nt
6	Tuân Lộ	Huyện Tân Lạc	nt
7	Đồng Bền	Thành phố Hòa Bình	nt
8	Nà Măng	Huyện Kim Bôi	nt
9	Rộc Kháo	Huyện Lạc Sơn	nt
10	Rả	Huyện Lạc Sơn	nt
11	An Thịnh	Huyện Lương Sơn	nt
12	Đom	Huyện Lương Sơn	nt
13	Sung	Huyện Yên Thủy	nt
14	Chằm Sy	Huyện Lương Sơn	nt
15	Mè	Thành phố Hòa Bình	nt
16	Vó Quéo	Huyện Lạc Sơn	nt
17	Luông Bai	Huyện Yên Thủy	nt
18	Dụ	Thành phố Hòa Bình	nt
19	Thượng	Huyện Yên Thủy	nt
20	Ngọc Vó	Huyện Lạc Sơn	nt
21	Thống nhất	Thành phố Hòa Bình	nt
22	Khoang Chia	Huyện Lạc Sơn	nt
23	Nà Ai	Huyện Tân Lạc	nt
24	Nang	Huyện Lạc Sơn	nt
25	Đăng	Huyện Lạc Sơn	nt
26	Cầu	Huyện Kim Bôi	nt
27	Thá	Thành phố Hòa Bình	nt
	Hải Dương		

TT	Tên hồ	Địa điểm	Ghi chú
1	Phú Lợi	Huyện Chí Linh	Đập đất
2	Vễn	Huyện Chí Linh	nt
3	Trại Sen	Huyện Chí Linh	nt
4	Chín Thượng	Huyện Chí Linh	nt
5	Cánh Gà	Huyện Chí Linh	nt
6	Hồ Dầu	Huyện Chí Linh	nt
7	Nghè Lắm	Huyện Chí Linh	nt
8	Lộc Đa	Huyện Chí Linh	nt
9	Bến Tắm Ngoài	Huyện Chí Linh	nt
10	Hồ Gõ	Huyện Chí Linh	nt
	Ninh Bình		
1	Yên Quang 1	Huyện Nho Quan	Đập đất
2	Núi Vá	Thành phố Tam Điệp	nt
3	Đá Lải	Huyện Nho Quan	nt
4	Bãi Lóng	Huyện Nho Quan	nt
5	Vườn Điều	Huyện Nho Quan	nt
6	Đầm Mố	Huyện Nho Quan	nt
7	Đồng Liềm	Huyện Nho Quan	nt
	Thanh Hóa		
1	Đồng Bể	Huyện Triệu Sơn	Đập đất
2	Kim Giao	Huyện Tĩnh Gia	nt
3	Đồi Dốc	Huyện Thạch Thành	nt
4	Bai Mạ	Huyện Thạch Thành	nt
5	Bãi Đền	Huyện Như Thanh	nt
6	Bãi Ngọc	Huyện Ngọc Lặc	nt
7	Làng Mọ	Huyện Thọ Xuân	nt
8	Ao Sen	Huyện Như Xuân	nt
9	Ngọc Re	Huyện Như Thanh	nt
10	Đập Cầu	Huyện Hà Trung	nt
11	Nam Sơn	Huyện Tĩnh Gia	nt
12	Thung Sâu	Huyện Tĩnh Gia	nt
13	Khe Tuần	Huyện Tĩnh Gia	nt

TT	Tên hồ	Địa điểm	Ghi chú
14	Cửa Trát	Huyện Thọ Xuân	nt
15	Cửa Hón	Huyện Thọ Xuân	nt
16	Đập Ngang	Huyện Hà Trung	nt
17	Thung Bằng	Huyện Cẩm Thủy	nt
18	Mậu Lâm	Huyện Như Thanh	nt
19	Tây Trác	Huyện Thạch Thành	nt
20	Hón Kín	Huyện Thường Xuân	nt
21	Phụng Khánh	Huyện Cẩm Thủy	nt
22	Eo Lim	Huyện Như Thanh	nt
23	Cây Quýt	Huyện Thọ Xuân	nt
24	Ngọc Đó	Huyện Ngọc Lặc	nt
	Nghệ An		
1	Khe Gang	Huyện Quỳnh Lưu	Đập đất
2	Khe Sân	Huyện Quỳnh Lưu	nt
3	La Ngà	Huyện Thanh chương	nt
4	Thanh Thủy	Huyện Nam Đàn	nt
5	Rào Băng	Huyện Nam Đàn	nt
6	271	Huyện Tân kỳ	nt
7	Đồn Húng	Huyện Yên Thành	nt
8	Hòn Mát	Huyện Nghĩa Đàn	nt
9	Khe Du	Huyện Đô Lương	nt
10	Hóc Nhẹt	Huyện Quỳnh Lưu	nt
11	Khe Dung	Huyện Quỳnh Lưu	nt
12	3/9	Huyện Tân kỳ	nt
13	Kẻ Sặt	Huyện Yên Thành	nt
14	Tuần	Huyện Yên Thành	nt
15	Khe Dừa	Huyện Thái Hòa	nt
16	Hố Xó	Huyện Quỳnh Lưu	nt
17	Làng Sinh	Huyện Nghĩa Đàn	nt
18	Thành	Huyện Nam Đàn	nt
19	Hố Lở	Huyện Yên Thành	nt
20	Điểm Mới	Huyện Nghĩa Đàn	nt

TT	Tên hồ	Địa điểm	Ghi chú
21	Đồng Nền	Huyện Quỳnh Lưu	nt
22	Khe Chùa	Huyện Yên Thành	nt
23	Xuân Nguyên	Huyện Yên Thành	nt
24	Ba Khe	Huyện Nam Đàn	nt
25	Đồng Vành	Huyện Tân Kỳ	nt
26	Trảng Không	Huyện Thanh Chương	nt
27	Đồng Kho	Huyện Tân Kỳ	nt
28	3/2	Huyện Thái Hòa	nt
29	Hao Hao	Huyện Nam Đàn	nt
30	Khe Giấy	Huyện Nam Đàn	nt
31	Tre Vàng	Huyện Nam Đàn	nt
32	Khe Giang	Huyện Yên Thành	nt
33	Đập Bể	Huyện Nam Đàn	nt
	Hà Tĩnh		
1	Nước Xanh	Huyện Kỳ Anh	Đập đất
2	Khe Dẻ	Huyện Hương Sơn	nt
3	Khe Nhảy	Huyện Hương Sơn	nt
4	Khe Cò	Huyện Hương Sơn	nt
5	Đá Đen	Huyện Thạch Hà	nt
6	Đập Bươm	Huyện Vũ Quang	nt
7	Ba Khe	Huyện Kỳ Anh	nt
	Quảng Bình		
1	Phú Vinh	Thành phố Đồng Hới	Đập đất
2	Đập Làng	Huyện Lệ Thủy	nt
3	Đồng Suôn	Huyện Bố Trạch	nt
4	Vũng Mồ	Huyện Lệ Thủy	nt
5	Long Đại	Huyện Quảng Ninh	nt
6	Thanh Sơn	Huyện Lệ Thủy	nt
7	Thạch Trường	Huyện Quảng Trạch	nt
8	Đồng Vạt	Huyện Quảng Trạch	nt
9	Cây Bóm	Huyện Quảng Trạch	nt
10	Bưởi Rỏi	Huyện Quảng Trạch	nt

TT	Tên hồ	Địa điểm	Ghi chú
	Quảng Trị		
1	Kinh Môn	Huyện Gio Linh	Đập đất
2	Khe Ná	Huyện Vĩnh Linh	nt
3	Khe Muồng	Huyện Hải Lăng	nt
4	Cổ Kiềng 2	Huyện Vĩnh Linh	nt
5	Khóm 7	Huyện Hướng Hóa	nt
6	Trầm	Huyện Vĩnh Linh	nt
7	Đập Hoi 1, Đập Hoi 2	Huyện Gio Linh	nt
8	Khóm 2	Huyện Vĩnh Linh	nt
9	Dục Đức	Huyện Vĩnh Linh	nt
10	Tân Vĩnh	Huyện Hướng Hóa	nt
11	Đá Cựa	Huyện Cam Lộ	nt
12	Km6	Thành phố Đông Hà	nt
	Huế		
1	Phú Bài 2	Thị xã Hương Thủy	Đập đất
2	Ba Cửa	Thị xã Hương Thủy	nt
3	Ka Tư	Huyện Nam Đông	nt
4	Tà Rinh	Huyện Nam Đông	nt
5	Năm Lăng	Thị xã Hương Thủy	nt
6	Cừa	Thị xã Hương Trà	nt
7	Cây Cơi	Huyện Phong Điền	nt
8	Phụ Nữ	Huyện Phong Điền	nt
9	Khe Rung	Thị xã Hương Trà	nt
	Quảng Nam		
1	Hồ Mây	Huyện Núi Thành	Đập đất
2	Đập Đá	Huyện Phú Ninh	nt
3	Đá Vách	Huyện Tiên Phước	nt
4	Thắng Lợi	Huyện Tiên Phước	nt
5	Đồng Nhơn	Huyện Núi Thành	nt
6	Hồ Giang	Huyện Quế Sơn	nt
7	Cao Ngạn	Huyện Thăng Bình	nt
8	Hồ Lau	Huyện Phú Ninh	nt

TT	Tên hồ	Địa điểm	Ghi chú
9	Hóc Bầu	Huyện Duy Xuyên	nt
10	Hố Trầu	Huyện Núi Thành	nt
11	Hóc Két	Huyện Duy Xuyên	nt
12	Hố Chinh	Huyện Đại Lộc	nt
13	Hương Mao	Huyện Quế Sơn	nt
14	Thái Xuân	Huyện Núi Thành	nt
15	Trung Lộc	Huyện Nông Sơn	nt
16	Dù Chiêng	Huyện Nông Sơn	nt
17	Đông Tiễn	Huyện Thăng Bình	nt
	Quảng Ngãi		
1	Đập Làng	Huyện Nghĩa Hành	Đập đất
2	Liệt Sơn	Huyện Đức Phổ	nt
3	An Phong	Huyện Bình Sơn	nt
4	Hóc Cơ	Huyện Sơn Tịnh	nt
5	Cây Khế	Huyện Đức Phổ	nt
6	Hóc Khế	Huyện Sơn Tịnh	nt
7	Liên Trì	Huyện Bình Sơn	nt
8	Gò Lang	Huyện Bình Sơn	nt
9	Hố Đá	Huyện Bình Sơn	nt
10	Hóc Bứa	Huyện Bình Sơn	nt
11	Hố Hiếu	Huyện Sơn Tịnh	nt
12	Sơn Rái	Huyện Sơn Tịnh	nt
13	Ông Thơ	Huyện Đức Phổ	nt
14	Tuyền Tung	Huyện Bình Sơn	nt
15	Hóc Mua	Huyện Bình Sơn	nt
16	Gia Hội	Huyện Bình Sơn	nt
17	Hóc Cây	Huyện Đức Phổ	nt
18	Phổ Tinh	Huyện Bình Sơn	nt
19	Hố Vàng	Huyện Bình Sơn	nt
	Bình Định		
1	Thạch Bàn	Huyện Phù Cát	Đập đất
2	Trình Vân	Huyện Phù Mỹ	nt

TT	Tên hồ	Địa điểm	Ghi chú
3	Kim Sơn	Huyện Hoài Ân	nt
4	Giao Hội	Huyện Hoài Nhơn	nt
5	Hóc Tranh	Huyện An Lão	nt
6	Hồ Cùg	Huyện Phù Mỹ	nt
7	Mỹ Đức	Huyện Hoài Ân	nt
8	Núi Miếu	Huyện Phù Mỹ	nt
9	Cự Lễ	Huyện Hoài Nhơn	nt
10	Suối Rùn	Huyện Hoài Ân	nt
11	Lỗ Môn	Huyện Tây Sơn	nt
12	Hưng Long	Huyện An Lão	nt
13	An Tường	Huyện Phù Mỹ	nt
14	Đá Bàn	Huyện Hoài Ân	nt
15	Hồ Trạch	Huyện Phù Mỹ	nt
16	Cây Me	Huyện Phù Mỹ	nt
	Phú Yên		
1	Phú Xuân	Huyện Đồng Xuân	Đập đất
2	Đồng Tròn	Huyện Tuy An	nt
3	Hòn Dinh	Huyện Đông Hòa	nt
4	Giếng Tiên	Huyện Sơn Hòa	nt
5	Đồng Khôn	Huyện Đông Hòa	nt
6	Hóc Răm	Huyện Tây Hòa	nt
	Khánh Hòa		
1	Suối Trầu	Huyện Ninh Hòa	Đập đất
2	Láng Nhót	Huyện Diên Khánh	nt
3	Đồng Bò	Thành phố Nha Trang	nt
4	Đá Mài	Huyện Diên Khánh	nt
5	Cây Sung	Huyện Diên Khánh	nt
6	Suối Luồng	Huyện Vạn Ninh	nt
7	Suối Lớn	Huyện Vạn Ninh	nt
8	Bến Ghe	Huyện Ninh Hòa	nt
	Ninh Thuận		
1	Sông Sắt	Huyện Bác Ái	Đập đất

TT	Tên hồ	Địa điểm	Ghi chú
2	CK7	Huyện Thuận Nam	nt
3	Ông Kinh	Huyện Ninh Hải	nt
4	Tà Ranh	Huyện Ninh Phước	nt
5	Sông Biêu	Huyện Thuận Nam	nt
6	Suối lớn	Huyện Thuận Nam	nt
	Bình Thuận		
1	Sông Quao	Huyện Hàm Thuận Bắc	Đập đất
2	Trà Tân	Huyện Đức Linh	nt
3	Tà Mon	Huyện Hàm Thuận Nam	nt
4	Tân Lập	Huyện Hàm Thuận Nam	nt
5	Đá Bạc	Huyện Tuy Phong	nt
6	Cắm Hang	Huyện Hàm Thuận Bắc	nt
7	Hộc Tám	Huyện Hàm Thuận Bắc	nt
	Kon Tum		
1	C3	Huyện Đắk Hà	Đập đất
2	C4	Huyện Đắk Hà	nt
3	đội 5	Huyện Sa Thầy	nt
4	Cà Sâm	Huyện Đắk Hà	nt
5	Ia Bang Thượng	Thành phố Kon Tum	nt
6	Đắk Hơ Niêng	Huyện Ngọc Hồi	nt
7	Kon Tu Zốp	Huyện Đắk Tô	nt
8	Đắk Tin	Huyện Đắk Glei	nt
9	C2	Huyện Đắk Hà	nt
10	A1 Đội 4	Huyện Đắk Hà	nt
11	Thôn 9	Huyện Đắk Hà	nt
12	Ya Xăng	Huyện Sa Thầy	nt
13	C3 (704)	Huyện Đắk Hà	nt
14	Đắk Ngót	Huyện Sa Thầy	nt
	Gia Lai		
1	Buôn lười	Huyện Kbang	Đập đất
2	PleitôKôn	Huyện Kbang	nt
3	Ayun Hạ	Huyện Phú Thiện	nt

TT	Tên hồ	Địa điểm	Ghi chú
4	Hà Tam	Huyện Đắk Pơ	nt
5	Ia Năng	Huyện Ia Grai	nt
6	Làng me	Huyện Ia Grai	nt
7	Ea Dreh	Huyện Krông Pa	nt
8	Ia Ring	Huyện Chư Sê	nt
	Đắk Lắk		
1	Ea Uy Thượng	Huyện Krông Pắc	Đập đất
2	Buôn Dung II	Huyện Krông Pắc	nt
3	Ea Blong Thượng	Huyện Krông Năng	nt
4	Ea Kmien 3	Huyện Krông Năng	nt
5	Ea Brơ 2	Huyện Krông Búk	nt
6	Ea Nao Đar	Thị xã Buôn Hồ	nt
7	Ea Ngách	Thị xã Buôn Hồ	nt
8	C19 (đội 12)	Huyện M'Drắk	nt
9	725(C32)	Huyện M'Drắk	nt
10	Đội 11	Huyện Krông Pắc	nt
11	Buôn Triết	Huyện Lắk	nt
12	Ea tul 1	Huyện Krông Ana	nt
13	Ea Kuang	Huyện Krông Pắc	nt
14	Đội 36	Huyện M'Drắk	nt
15	Ea Mta (Đội 1 - Chế biến)	Huyện Cư Kuin	nt
16	Ea Ung	Huyện Cư Kuin	nt
17	Yang Cang Thượng	Huyện Krông Bông	nt
18	Đội 2	Huyện Ea Kar	nt
19	Đội 4	Huyện M'Drắk	nt
	Đắk Nông		
1	Suối Đá	Huyện Đắk Song	Đập đất
2	Đắk R'Lá	Huyện Đắk Mil	nt
3	NT Thuận An	Huyện Đắk Mil	nt
4	Đắk Loou (Đắk Klou)	Huyện Đắk Mil	nt
5	Bi Zê Rê	Huyện Đắk Glong	nt
6	Đập Ông Hiên	Huyện Đắk Mil	nt

TT	Tên hồ	Địa điểm	Ghi chú
7	Đập Ông Truyền	Huyện Đắk Mil	nt
8	Đắk Bliêng	Huyện Tuy Đức	nt
9	Sa Đa cô	Huyện Đắk R'lấp	nt
10	Nao Ma A	Huyện Đắk Glong	nt
11	Đắk Ken	Huyện Đắk Mil	nt
12	Km 41	Huyện Đắk Glong	nt
13	Ba Trong	Huyện Đắk Glong	nt
14	Thôn 7 (Bu Boong)	Huyện Đắk Song	nt
15	Thôn 3	Huyện Đắk Glong	nt
16	Đắk R'Lon	Huyện Đắk Song	nt
17	Đắk Ha	Huyện Đắk Glong	nt
18	Đắk Snao 1	Huyện Đắk Glong	nt
19	Đắk Ri 2	Huyện Krông Nô	nt
20	Đắk Kuăl 5	Huyện Đắk Song	nt
	Lâm Đồng		
1	Đạ Tẻh	Huyện Đạ Tẻh	Đập đất
2	Liên hồ Suối Đĩa-Cây Xoài	Huyện Đơn Dương	nt
3	Đạ Bo B	Huyện Cát Tiên	nt
4	Lộc Thắng	Huyện Bảo Lâm	nt
5	R'Lôm	Huyện Đơn Dương	nt
6	Ri Hil	Huyện Lâm Hà	nt
7	Đạ Sa	Huyện Lâm Hà	nt
8	Số 4	Huyện Di Linh	nt
9	Thanh Bạch	Huyện Di Linh	nt
	Tây Ninh		
1	Dầu Tiếng	Huyện Dương Minh Châu	Đập đất